

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 147/2024/DS-ST

Ngày: 21/8/2024

V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi,
Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Hùng.

2. Bà Lê Thị Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoàn T - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi, Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2024/QĐXXST-DS ngày 12/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2024/QĐST-DS ngày 05/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Diệp Thị N**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1979 (có mặt). Địa chỉ: Số A L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: + Bà **Võ Thị Thu V**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

+ Ông **Võ Văn N1**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số B L, Phường E, thành phố M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà **Diệp Thị N** – đại diện theo ủy quyền là bà **Nguyễn Thị Mỹ H** trình bày:

Bà N làm nghề chạy tàu du lịch nên quen biết với bà V làm tạp vụ của Nhà hàng C, ông N1 là chồng bà V làm thợ hồ.

Bà V biết bà N có mở dây hụi, làm chủ hụi nên bà V tham gia chơi 8 dây hụi, cụ thể:

- Dây 1: Hụi 1.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 05/02/2018al, mãn hụi ngày 05/02/2020al, có 25 phần, bà V tham gia 03 phần, đã hốt cả 03 phần hụi vào kỳ khai hụi lần 1, lần 2 và lần 3. Sau đó bà V có đóng hụi chết cho bà N đến kỳ khai hụi thứ 15, còn nợ lại 10 tháng tiền hụi là 30.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng x 10 tháng x 3 phần).

- Dây 2: Hụi 1.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 10/12/2018al, mãn hụi ngày 10/10/2020al, có 24 phần, bà V tham gia 02 phần, bà V đã hốt cả 02 phần hụi vào kỳ khai hụi lần 3 và lần 4. Sau đó bà V có đóng hụi chết cho bà N đến kỳ khai

hụi thứ 5, còn nợ lại 19 tháng tiền hụi là 38.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng x 19 tháng x 2 phần).

- Dây 3: Hụi 1.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 15/04/2019a1, mãn hụi ngày 15/02/2021a1, có 24 phần, bà V tham gia 03 phần, bà V đã hốt cả 03 phần hụi vào kỳ khai hụi lần 1, lần 2 và lần 3. Sau đó bà V có đóng hụi chết cho bà đến kỳ khai hụi thứ 13, còn nợ lại 11 tháng tiền hụi là 33.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng x 11 tháng x 3 phần)

- Dây 4: Hụi 1.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 20/09/2019a1, mãn hụi ngày 29/11/2020a1, có 16 phần, bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt hụi vào kỳ khai hụi lần 3. Sau đó, bà V có đóng hụi chết cho bà đến kỳ khai hụi thứ 8, còn nợ lại 8 tháng tiền hụi là 8.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng x 8 tháng x 1 phần).

- Dây 5: Hụi 1.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 25/06/2019a1, mãn hụi ngày 25/07/2021a1, có 26 phần, bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt hụi vào kỳ khai hụi lần 1. Sau đó, bà V có đóng hụi chết cho bà đến kỳ khai hụi thứ 11 thì ngưng, còn nợ lại 15 tháng tiền hụi là 15.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng x 15 tháng x 1 phần).

- Dây 6: Hụi 1.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 30/07/2019a1, mãn hụi ngày 30/06/2021a1, có 24 phần, bà V tham gia 03 phần, bà V đã hốt cả 03 phần hụi vào kỳ khai hụi lần 1, lần 2 và lần 3. Sau đó, bà V có đóng hụi chết cho bà đến kỳ khai hụi thứ 10, còn nợ lại 14 tháng tiền hụi là 42.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng x 14 tháng x 3 phần)

- Dây 7: Hụi 2.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 20/09/2019a1, mãn hụi ngày 20/12/2021a1, có 17 phần, bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt hụi vào kỳ khai hụi lần 1. Sau đó, bà V có đóng hụi chết cho bà đến kỳ khai hụi thứ 8, còn nợ lại 9 tháng tiền hụi là 18.000.000 đồng (2.000.000 đồng/tháng x 9 tháng x 1 phần).

- Dây 8: Hụi 2.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 30/04/2019a1, mãn hụi ngày 30/01/2021a1, có 23 phần, bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt hụi vào kỳ khai hụi lần 1. Sau đó, bà V có đóng hụi chết cho bà đến kỳ khai hụi thứ 13, còn nợ lại 10 tháng tiền hụi là 20.000.000 đồng (2.000.000 đồng/tháng x 10 tháng x 1 phần).

Mỗi lần hốt hụi bà V đều xin bà N cho hốt vì đóng tiền học cho con, con bị bệnh, nhà đang cần gấp tiền để xoay sở, sửa nhà, nên bà phải cho bà V hốt hụi. Tổng cộng 8 dây hụi, bà V còn nợ bà N số tiền là 200.000.000 đồng do không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi sau khi hốt hụi. Bà N phải đóng choàng cho bà V để duy trì các dây hụi cho đến ngày mãn. Ngoài ra, vợ chồng bà V còn nợ bà N số tiền là 80.000.000 đồng do thiếu tiền chi tiêu, con cái nằm bệnh viện nên bà N cho mượn.

Ngày 14/06/2020, bà N liệt kê các khoản nợ và bà V có ký xác nhận nợ bà N số tiền là 280.000.000 đồng. Số tiền hụi và tiền mượn nợ bà V đem về để sửa nhà, lo tiền con cái bệnh hoạn, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, mua đồ dùng thiết yếu cho gia đình, trong đó có chồng bà V là ông N1 cùng hưởng. Bà N đã nhiều lần đến nhà yêu cầu vợ chồng bà V trả số tiền còn nợ nhưng bà V và ông N1 cứ hẹn để bán đất trả, tuy nhiên phần đất này hiện ông N1, bà V vẫn chưa bán cho ai. Nay bà N yêu cầu ông Võ Văn N1 và bà Võ Thị Thu V phải liên đới trả cho bà Diệp Thị N số tiền nợ là 280.000.000 đồng, gồm 200.000.000 đồng tiền nợ hụi và 80.000.000 đồng tiền vay, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà V

vắng mặt, không có gửi văn bản trình bày ý kiến về việc bà N khởi kiện.

* Bị đơn ông N1 trình bày: Theo yêu cầu khởi kiện của bà N, ông không đồng ý liên đới cùng bà V trả số nợ 280 triệu đồng, lý do: Ông không biết bà V vay và chơi hụi gì, ông không có đi đóng hụi gì, do ông đi làm hồ đến tối mới về, bà V đã bỏ nhà đi từ năm 2019 cho đến nay. Sau khi bà V bỏ đi thì cô N có đến nhà ông để đòi nợ, ông không biết cô N là ai. Việc nguyên đơn cho rằng bà V đem tiền về sửa chữa nhà, lo tiền con cái bệnh hoạn, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, mua đồ dùng thiết yếu cho gia đình, có ông cùng hưởng là không đúng, các con của ông đã lớn và có gia đình, nên nguyên đơn nói lo cho con bệnh hoạn là không đúng, tiền sửa chữa nhà là tiêu chuẩn của cha ông do có công với cách mạng nên Ủy ban nhân dân thành phố M cho 40 triệu đồng để sửa nhà vào năm 2018, bà V không có mua sắm gì trong nhà, nên ông không đồng ý liên đới cùng bà V trả nợ.

Tại phiên tòa, bà H trình bày: Bà N yêu cầu ông N1, bà V liên đới trả cho bà N 280.000.000 đồng tiền vay và tiền hụi, trả khi án có hiệu lực pháp luật; Bà V vắng mặt, ông N1 không đồng ý liên đới trả số nợ 280.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với đương sự: nguyên đơn, bị đơn ông N1 thực hiện đúng quy định, bị đơn bà V không tuân thủ theo đúng quy định pháp luật; Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Diệp Thị N về việc yêu cầu bà Võ Thị Thu V, ông Võ Văn N1 liên đới trả cho bà N 280.000.000 đồng (trong đó: 200.000.000 đồng tiền hụi, 80.000.000 đồng tiền vay).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Thu V đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp giữa bà Diệp Thị N với bà Võ Thị Thu V, ông Võ Văn N1 là tranh chấp “Hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà N, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ theo Giấy nhận thiếu tiền nợ hụi và tiền mượn ngày 14/6/2020 không có chữ ký của ông N1, ông N1 cho rằng ông không biết bà V tham gia hụi, hốt hụi và vay tiền của bà N gì, không biết bà V sử dụng khoản tiền trên vào việc gì, không có sử dụng sinh hoạt chung cho gia đình, nên ông không đồng ý liên đới cùng bà V trả nợ. Tại phiên tòa phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày mỗi lần giao hụi thì bà N giao tiền hốt hụi cho bà V nhận tiền, tiền vay cũng bà V nhận, ông N1 không có nhận tiền, tại tòa nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh bà V sử dụng 280.000.000 đồng vào sinh hoạt thiết yếu của gia đình, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu ông N1 liên đới cùng bà V trả nợ.

Căn cứ theo Giấy nhận thiếu tiền nợ hụi và tiền mượn ngày 14/6/2020, có

nội dung: “ ...Tôi có thiếu chị N 280.000.000 đồng...” bà N cho rằng chữ ký tên và ghi họ tên Võ Thị Thu V và dòng chữ *Tôi có thiếu chị N 280.000.000 đồng* là do bà V viết, ký tên và ghi họ tên, còn phần chữ đánh máy là do bà N đánh máy. Như vậy, trong Giấy nhận thiếu tiền nợ ngày 14/6/2020 thể hiện bà V có tham gia 08 dây hụi do bà N làm chủ, hiện bà V còn nợ tiền hụi chưa đóng cho bà N 200.000.000 đồng và 80.000.000 đồng tiền vay. Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà V, nhưng bà V không đến dự phiên hòa giải, phiên tòa để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện. Do đó, yêu cầu của bà N có cơ sở một phần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần yêu cầu của bà N, buộc bà V trả cho bà N 280.000.000 đồng; Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà V, ông N1 trả 280.000.000 đồng được Tòa án chấp nhận buộc bà V trả, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 14.000.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận 1 phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị N.

- Buộc bà Võ Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho bà Diệp Thị N 200.000.000 đồng tiền hụi và 80.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Thu V phải chịu 14.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho bà Diệp Thị N số tiền 7.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006050 ngày 26/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP . Mỹ Tho;
- Các đương sự:(Đã ký)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Sang